

Bản án số: 195/2024/DS-PT

Ngày 15 – 02 – 2024

V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phan Công Trí.

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng.

Bà Giang Thị Cẩm Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồng Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trương Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 152/2023/TLPT-DS, ngày 19/10/2023 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2023/DS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 179/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Cao Trung H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Hồ Huỳnh Tố H1, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số D, đường L, Khóm G, Phường A, Tp ., tỉnh Bạc Liêu (văn bản ủy quyền ngày 24/02/2022) (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lâm Văn T, sinh ngày 01/01/1961 (có mặt).

2.2. Bà Trương Thị Kim V, sinh ngày 01/01/1964 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Cao Trung H, bị đơn ông Lâm Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo anh Cao Trung H là nguyên đơn trình bày: Vào năm 2015, anh Cao Trung H có nhiều lần bán thức ăn chăn nuôi cho vợ chồng ông Lâm Văn T và bà Trương Thị Kim V với hình thức là trả dần. Khi mua bán hai bên tự theo dõi số lượng, số tiền mua bán nên không lập quyết toán nợ chung. Đến ngày 24/06/2015, anh H có cho ông T ký vào sổ theo dõi, thừa nhận ông T có mua 320 bao thức ăn loại 9652 của anh H để xác nhận nợ. Về phần các sổ theo dõi ghi nợ giữa anh H và vợ chồng ông T, bà V, do thời gian đã lâu nên anh H đã làm thất lạc, không thể cung cấp cho Tòa án để làm căn cứ giải quyết vụ án. Tính đến ngày 24/6/2015 thì ông T bà V còn nợ anh H số tiền là 69.065.000 đồng. Nay anh H khởi kiện yêu cầu ông T, bà V trả cho anh tiền nợ gốc 69.065.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 25/6/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm là 53.788.000 đồng. Tổng cộng là 122.853.000 đồng. Ngoài ra, anh H còn yêu cầu tính lãi đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án và trong giai đoạn thi hành án.

Theo ông Lâm Văn T và bà Trương Thị Kim V là bị đơn trình bày: Trước đây vợ chồng ông bà có mua thức ăn chăn nuôi heo của anh Cao Trung H vào khoảng năm 2014-2015, thực hiện việc mua bán nhiều lần, mỗi lần anh H giao thức ăn thì không có ký nhận, anh H tự lập sổ theo dõi. Đến khoảng giữa năm 2015 thì hai bên chấm dứt việc mua bán với nhau, khi đó có tổng kết lại số nợ là 30.000.000 đồng, vợ chồng ông bà đã trả được 26.500.000 đồng; còn lại số tiền 3.500.000 đồng anh H đồng ý trừ lại cho ông bà do có vài bao thức ăn bị mốc nên hiện nay ông bà không còn nợ anh H nữa. Từ trước đến nay ông bà mua bán với anh H nhiều lần nên trong quá trình giao dịch cũng như trả nợ các bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không làm biên nhận gì và cũng không ai chứng kiến. Đối với yêu cầu khởi kiện của anh H, ông bà không đồng ý và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2023/DS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Cao Trung H đối với ông Lâm Văn T, bà Trương Thị Kim V

2. Buộc ông Lâm Văn T, bà Trương Thị Kim V có trách nhiệm liên đới trả cho anh Cao Trung H số tiền 6.238.750 đồng (Trong đó: nợ gốc 3.500.000 đồng và tiền lãi 2.738.750 đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu của anh Cao Trung H về việc yêu cầu ông Lâm Văn T và bà Trương Thị Kim V trả số tiền nợ thức ăn chăn nuôi 65.565.000 đồng và 51.049.250 đồng tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, nguyên đơn anh Cao Trung H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2023/DS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 04/5/2023, bị đơn ông Lâm Văn T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2023/DS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu, theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn anh Cao Trung H, bị đơn ông Lâm Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử; Thư ký và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn; Đề nghị Hội đồng xét phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2023/DS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu đối với số tiền lãi mà ông T, bà V phải trả cho anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn hợp lệ. Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm theo quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 276 và Điều 285 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Anh Cao Trung H khởi kiện yêu cầu ông T, bà V trả cho anh tiền nợ gốc 69.065.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 25/6/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm là 53.788.000 đồng. Tổng cộng là 122.853.000 đồng. Ngoài ra, anh H còn yêu cầu tính lãi đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án và trong giai đoạn thi hành án.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn anh Cao Trung H:

[3.1] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Cao Trung H cung cấp tờ biên nhận ngày 24/6/2015, ông T ký nhận 320 bao thức ăn chăn

nuôi (bút lục 01). Ông T thừa nhận chữ ký trong biên nhận là của ông T, nhưng ông chỉ nhận có 20 bao thức ăn chăn nuôi, dấu chữ số 3 là có chỉnh sửa, ông không đồng ý.

[3.2] Tại Biên bản lấy lời khai của người đại diện theo ủy quyền của anh Cao Trung H thừa nhận số lượng 320 bao thức ăn chăn nuôi là có sự chỉnh sửa, nhưng người chỉnh sửa là ông T (bút lục 58). Bị đơn ông Lâm Văn T không thừa nhận việc chỉnh sửa này. Ngoài ra, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn ông Lâm Văn T:

[4.1.] Tại Biên bản lấy lời khai ngày 17/5/2022, ông Lâm Văn T và bà Trương Thị Kim V thừa nhận có mua thức ăn chăn nuôi của anh Cao Trung H nhiều năm. Sau khi không còn chăn nuôi nữa, ông T, bà V còn nợ anh H tổng số tiền mua thức ăn là 30.000.000 đồng. Ông, bà đã trả được 26.500.000 đồng, số tiền 3.500.000 đồng còn lại là để trừ tiền giao thức ăn bị mốc. Do đó, ông, bà không còn nợ tiền anh H, nên không đồng ý theo yêu cầu của anh H (bút lục 55-56).

[4.2] Anh H thừa nhận ông T, bà V có trả cho anh được 26.500.000 đồng, không thừa nhận có việc cản trừ tiền thức ăn bị mốc như ông T, bà V trình bày (bút lục 58). Ngoài ra, ông T và bà V không cung cấp chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông T.

[4.3] Do các đương sự không có chứng cứ chứng minh thời điểm cụ thể ông T, bà V phải trả tiền cho anh H, cũng như mức lãi suất. Anh H yêu cầu thời điểm trả lãi từ ngày 25/6/2015 và được cấp sơ thẩm chấp nhận là không đúng. Cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, xác định thời gian chậm trả của ông T, bà V từ ngày phát sinh tranh chấp 06/01/2022 (hòa giải tranh chấp tại UBND xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu), nên lãi suất được tính lại như sau: 3.500.000 đồng x 10%/năm x 15 tháng 14 ngày (từ ngày 06/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/4/2023) = 449.302 đồng, theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Từ những nhận định trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần án sơ thẩm, theo quy định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Các phần khác của Bản án sơ thẩm, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[7] Về án phí dân sự:

[7.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Tại cấp sơ thẩm, do ông T không có đơn xin miễn án phí nên bị buộc nộp số tiền 311.938 đồng (trong đó ông T và bà V mỗi người có trách nhiệm nộp $\frac{1}{2}$ án phí). Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm phần tiền phải chịu án phí của ông T và bà V được giảm xuống (3.500.000 đồng tiền gốc + 449.302 đồng tiền lãi = 3.949.302 đồng), nên án phí ông T và bà V phải chịu chỉ có 300.000 đồng. Đồng thời, tại

cấp phúc thẩm ông T nộp chứng cứ mới là Đơn xin miễn nộp án phí. Xét thấy ông Lâm Văn T là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp án phí, nên Hội đồng xét xử chấp nhận sửa một phần bản án sơ thẩm, miễn nộp 150.000 đồng cho ông Lâm Văn T, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điều 2 của Luật Người cao tuổi, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Buộc bà Trương Thị Kim V phải chịu 150.000 đồng.

Anh Cao Trung H không được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, nên anh H phải chịu 5.830.712 đồng, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh H đã dự nộp tạm ứng án phí 2.973.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005467 ngày 28/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu được đối trừ, anh H còn tiếp tục phải nộp 2.857.712 đồng.

[7.2] Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lâm Văn T được miễn nộp 300.000 đồng, do ông T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điều 2 của Luật Người cao tuổi.

Anh Cao Trung H phải chịu 300.000 đồng, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Các quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 298, khoản 2 Điều 308, của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 93; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 357, Điều 440 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Cao Trung H.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Lâm Văn T. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Cao Trung H đối với ông Lâm Văn T, bà Trương Thị Kim V

2. Buộc ông Lâm Văn T, bà Trương Thị Kim V có trách nhiệm liên đới trả cho anh Cao Trung H số tiền 3.949.302 đồng (Ba triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn ba trăm lẻ hai đồng) (Trong đó: nợ gốc 3.500.000 đồng và tiền lãi 449.302 đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu của anh Cao Trung H về việc yêu cầu ông Lâm Văn T và bà Trương Thị Kim V trả số tiền nợ thức ăn chăn nuôi 65.565.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi lăm ngàn đồng) và 51.049.250 đồng (Năm mươi một triệu không trăm bốn mươi chín ngàn hai trăm năm mươi đồng) tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ.

4. Về án phí dân sự:

Ông Lâm Văn T được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Bà Trương Thị Kim V phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Cao Trung H phải chịu 5.830.712 đồng (Năm triệu tám trăm ba mươi ngàn bảy trăm mười hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Anh H đã dự nộp tạm ứng án phí 2.973.000 đồng (Hai triệu chín trăm bảy mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005467 ngày 28/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu được đối trừ, anh H còn tiếp tục phải nộp 2.857.712 đồng (Hai triệu tám trăm năm mươi bảy ngàn bảy trăm mười hai đồng).

Anh Cao Trung H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí phúc thẩm. Anh H đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0012657 ngày 27/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Phước Long;
- CCTHADS huyện Phước Long;
- Dương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

Lê Phan Công Trí